

Bản án số: 281/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23/06/2026

V/v Ly hôn giữa ông Huế, bà Ngọc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/06/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn A, xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05 tháng 03 năm 2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc kết H1 với nhau ngày 22/01/2021 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Ông và bà N đến với nhau trong hoàn cảnh, ông đã có vợ nhưng ly hôn, còn bà N chưa xây dựng gia đình lần nào. Sau khi kết hôn ông và bà N chung sống tại gia đình của ông H đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N có hành vi không chung thủy, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Đến tháng 6/2025 bà N đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã H. Ông và bà N đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông làm đơn xin được ly hôn bà N.

Về con chung: Ông và bà N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị N. Bà N đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng đến nay, bà N vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị N. Về con chung và tài sản chung không có nên không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H, bà N là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân. Nay ông H xin ly hôn nhưng bà N không có ý kiến.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân H thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau trong cuộc sống, hai người sống ly thân lâu nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông H trình bày, ông và bà N không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Xuân H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị N không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản chung cũng như về nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này bà N có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Xuân H thì Tòa án sẽ thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000944 ngày 05/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Ông H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Đê

Nguyễn Văn Hóa

Nguyễn Văn Đính

